

BẢNG GHI ĐIỂM LỚP HỌC PHẦN

Đợt: Học kỳ 1 (2025-2026)

Lớp học phần: [23400801] - Cầu lông 1 (CCQ2305A)

STT	Thông tin sinh viên						TBTK	Được dự thi	Cuối kỳ	Điểm tổng kết 1	Điểm tổng kết 2	Điểm tổng kết	Xếp loại
	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp học							
1	2123230005	Mai Ngô Kỳ	Anh	13/03/2005	Nam	CCQ2323A	7.8	V	10.0	9,10		9.1	Đạt
2	2123110154	Huỳnh Thị Ngọc	Ánh	20/08/2005	Nữ	CCQ2311E	8.3	V	7.0	7,50		7.5	Đạt
3	2123130032	Nguyễn Tiên	Bản	06/12/2005	Nữ	CCQ2313B	6.3	V	6.0	6,10		6.1	Đạt
4	2122110200	Nguyễn Anh	Bảo	03/09/2003	Nam	CCQ2211E	0.0	V	0.0	0,00		0.0	Không đạt
5	2123110258	Thành Ninh	Bình	31/10/2004	Nam	CCQ2311H	7.0	V	7.0	7,00		7.0	Đạt
6	2123110225	Lê Thị Bích	Châm	11/02/2005	Nữ	CCQ2311G	7.8	V	6.0	6,70		6.7	Đạt
7	2123030230	Nguyễn Văn	Cường	10/07/2005	Nam	CCQ2303G	8.3	V	7.0	7,50		7.5	Đạt
8	2123170494	Nguyễn Đình	Dăng	22/07/2005	Nam	CCQ2317N	8.5	V	5.0	6,40		6.4	Đạt
9	2122040023	Nguyễn Khánh	Đạt	22/05/2004	Nam	CCQ2204A	8.0	V	10.0	9,20		9.2	Đạt
10	2123200619	Nguyễn Văn	Đồng	20/06/2005	Nam	CCQ2320G	7.0	V	7.0	7,00		7.0	Đạt
11	2122140052	Trần Đại	Đồng	22/02/2004	Nam	CCQ2214B	7.5	V	6.0	6,60		6.6	Đạt
12	2122100032	Nguyễn Thị Kim	Dung	06/12/2004	Nữ	CCQ2210A	7.0	V	9.0	8,20		8.2	Đạt
13	2123200632	Phạm Ngọc	Dũng	01/11/1995	Nam	CCQ2320G	6.5	V	5.0	5,60		5.6	Đạt
14	2123050115	Trương Quốc	Dũng	19/05/2005	Nam	CCQ2305C	7.0	V	5.0	5,80		5.8	Đạt
15	2122140032	Huỳnh Quang	Duy	18/11/2004	Nam	CCQ2214A	7.8	V	6.0	6,70		6.7	Đạt
16	2123170418	Phan Ngọc	Duy	14/01/2005	Nam	CCQ2317L	7.8	V	10.0	9,10		9.1	Đạt
17	2123030097	Nguyễn Hoàng	Hải	11/01/2005	Nam	CCQ2303C	8.0	V	10.0	9,20		9.2	Đạt
18	2122110159	Châu Lê Thanh	Hậu	01/06/2004	Nam	CCQ2222A	5.8	V	6.0	5,90		5.9	Đạt
19	2122120127	Đỗ Minh	Hậu	20/09/2004	Nam	CCQ2212D	8.0	V	8.0	8,00		8.0	Đạt
20	2123310022	Bùi Thị Minh	Hiền	01/01/2004	Nữ	CCQ2331A	7.0	V	8.0	7,60		7.6	Đạt
21	2123030240	Nguyễn Văn	Hiệp	17/02/2005	Nam	CCQ2303G	8.5	V	6.0	7,00		7.0	Đạt
22	2123110059	Trần Ngọc	Hiệp	02/09/2004	Nam	CCQ2311B	7.8	V	6.0	6,70		6.7	Đạt
23	2123220038	Nguyễn Đình	Hoàng	22/05/2005	Nam	CCQ2322A	8.5	V	8.0	8,20		8.2	Đạt
24	2123170405	Phạm Huy	Hoàng	23/09/2004	Nam	CCQ2317L	7.8	V	10.0	9,10		9.1	Đạt
25	2123060208	Thái Nhật	Hoàng	09/07/2005	Nam	CCQ2306A	8.3	V	8.0	8,10		8.1	Đạt

26	2122150060	Nguyễn Quang	Huy	07/10/2004	Nam	CCQ2215C	0.0	V	0.0	0,00		0.0	Không đạt
27	2123200494	Phan Nguyễn Minh	Huy	02/04/2005	Nam	CCQ2320F	6.8	V	6.0	6,30		6.3	Đạt
28	2122110349	Trần La Đức	Huy	03/05/2004	Nam	CCQ2211G	0.0	V	0.0	0,00		0.0	Không đạt
29	2122050054	Vũ Gia	Huy	04/06/2004	Nam	CCQ2205B	0.0	V	0.0	0,00		0.0	Không đạt
30	2123270009	Trần Dương	Khang	16/09/2005	Nam	CCQ2327A	8.0	V	9.0	8,60		8.6	Đạt
31	2123050178	Trần Duy	Khang	20/08/2004	Nam	CCQ2305A	0.0	V	0.0	0,00		0.0	Không đạt
32	2123170478	Nguyễn Văn Trườn	Khánh	29/12/2005	Nam	CCQ2317N	8.0	V	10.0	9,20		9.2	Đạt
33	2123030234	Nông Duy	Khánh	04/02/2005	Nam	CCQ2303G	7.0	V	5.0	5,80		5.8	Đạt
34	2122180069	Võ Đăng	Khoa	17/04/2004	Nam	CCQ2218C	0.0	V	0.0	0,00		0.0	Không đạt
35	2123170383	Trịnh Minh	Khôi	10/04/2005	Nam	CCQ2317K	7.8	V	7.0	7,30		7.3	Đạt
36	2123200702	Lưu Ngọc	Khuê	08/11/2005	Nữ	CCQ2320G	7.3	V	8.0	7,70		7.7	Đạt
37	2123110044	Võ Trung	Kiên	05/11/2005	Nam	CCQ2311B	7.8	V	10.0	9,10		9.1	Đạt
38	2123030233	Nguyễn Trương Gia	Kiệt	29/05/2005	Nam	CCQ2303G	8.0	V	5.0	6,20		6.2	Đạt
39	2122270023	Nguyễn Thị Nhật	Kiều	29/09/2004	Nữ	CCQ2227A	0.0	V	0.0	0,00		0.0	Không đạt
40	2123200164	Dương Thị Thuỳ	Linh	16/08/2005	Nữ	CCQ2320B	7.5	V	6.0	6,60		6.6	Đạt
41	2123170396	Nguyễn Quang	Linh	18/07/2004	Nam	CCQ2317L	7.3	V	8.0	7,70		7.7	Đạt
42	2123110514	Hồ Tấn	Lực	25/05/2005	Nam	CCQ2311J	8.3	V	6.0	6,90		6.9	Đạt
43	2123220087	Nguyễn Tấn	Lượng	22/04/2005	Nam	CCQ2322C	7.8	V	7.0	7,30		7.3	Đạt
44	2123120286	Nguyễn Phạm Ngọc	Luyến	29/08/2005	Nữ	CCQ2312F	8.5	V	9.0	8,80		8.8	Đạt
45	2122070029	Nguyễn Thị Quỳnh	Mai	12/08/2004	Nữ	CCQ2207A	6.8	V	6.0	6,30		6.3	Đạt
46	2123260185	Lê Ngọc	Nam	06/08/2005	Nam	CCQ2326E	8.0	V	8.0	8,00		8.0	Đạt
47	2122100363	Đình Hoàng	Phúc	26/11/2004	Nam	CCQ2226E	6.8	V	8.0	7,50		7.5	Đạt
48	2123110247	Nguyễn Minh	Phúc	14/10/2005	Nam	CCQ2311G	8.0	V	8.0	8,00		8.0	Đạt
49	2122050049	Đặng Minh	Quân	17/06/2004	Nam	CCQ2205B	7.5	V	5.0	6,00		6.0	Đạt
50	2123200634	Huỳnh Nguyễn Diễ	Quỳnh	25/08/2005	Nữ	CCQ2320G	7.0	V	6.0	6,40		6.4	Đạt
51	2123100215	Mai Xuân	Quỳnh	25/07/2005	Nữ	CCQ2310F	7.3	V	8.0	7,70		7.7	Đạt
52	2123200700	Phan Thị Kim	Sang	10/11/2003	Nữ	CCQ2320G	7.0	V	7.0	7,00		7.0	Đạt
53	2121260070	Lê Thị Mỹ	Tâm	03/07/2003	Nữ	CCQ2126B	8.0	V	8.0	8,00		8.0	Đạt
54	2123050045	Hồ Thanh	Tấn	10/08/2005	Nam	CCQ2305A	7.3	V	7.0	7,10		7.1	Đạt
55	2123170413	Huỳnh Quốc	Thắng	31/10/2005	Nam	CCQ2317L	7.3	V	7.0	7,10		7.1	Đạt
56	2123200165	Đặng Thị Thanh	Thảo	27/03/2005	Nữ	CCQ2320B	6.5	V	6.0	6,20		6.2	Đạt
57	2123190101	Nông Thị Phương	Thảo	20/04/2005	Nữ	CCQ2319C	7.8	V	9.0	8,50		8.5	Đạt

58	2123110063	Lê Công	Thịnh	13/09/2005	Nam	CCQ2311B	7.3	V	8.0	7,70		7.7	Đạt
59	2122120525	Đặng Huỳnh Thị D	Thúy	31/01/2004	Nữ	CCQ2224F	8.3	V	8.0	8,10		8.1	Đạt
60	2122030181	Nguyễn Thanh	Toán	27/07/2002	Nam	CCQ2203H	8.0	V	8.0	8,00		8.0	Đạt
61	2123260172	Nguyễn Ngọc	Trâm	08/03/2005	Nữ	CCQ2326E	7.8	V	6.0	6,70		6.7	Đạt
62	2120120032	Nguyễn Ngọc Diễm	Trân	03/01/2001	Nữ	CCQ2012A	0.0	V	0.0	0,00		0.0	Không đạt
63	2123200024	Trần Tú	Trân	18/06/2005	Nữ	CCQ2320A	7.8	V	10.0	9,10		9.1	Đạt
64	2123260171	Tổng Tạ Hoàng	Triều	21/05/2005	Nam	CCQ2326E	7.3	V	5.0	5,90		5.9	Đạt
65	2122050058	Đặng Minh	Trọng	12/02/2004	Nam	CCQ2205B	6.8	V	8.0	7,50		7.5	Đạt
66	2123230031	Nguyễn Đức	Trường	27/11/2005	Nam	CCQ2323A	8.0	V	8.0	8,00		8.0	Đạt
67	2123030179	Nguyễn Nhật	Trường	23/05/2005	Nam	CCQ2303E	7.0	V	8.0	7,60		7.6	Đạt
68	2123050066	Lê Anh	Tuấn	22/08/2005	Nam	CCQ2305B	8.3	V	6.0	6,90		6.9	Đạt
69	2122110577	Lê Minh	Tuấn	04/04/2004	Nam	CCQ2211N	6.3	V	8.0	7,30		7.3	Đạt
70	2123110162	Nguyễn Duy Anh	Tuấn	04/11/2005	Nam	CCQ2311E	8.8	V	6.0	7,10		7.1	Đạt
71	2123200716	Hồ Thị Ánh	Tuyết	25/06/2005	Nữ	CCQ2320G	7.0	V	6.0	6,40		6.4	Đạt

....., ngày tháng năm

Người lập biểu

Nguyễn Thành Quân